CTCP Xi măng Yên Bình (UPCOM: VCX)

FireAnt

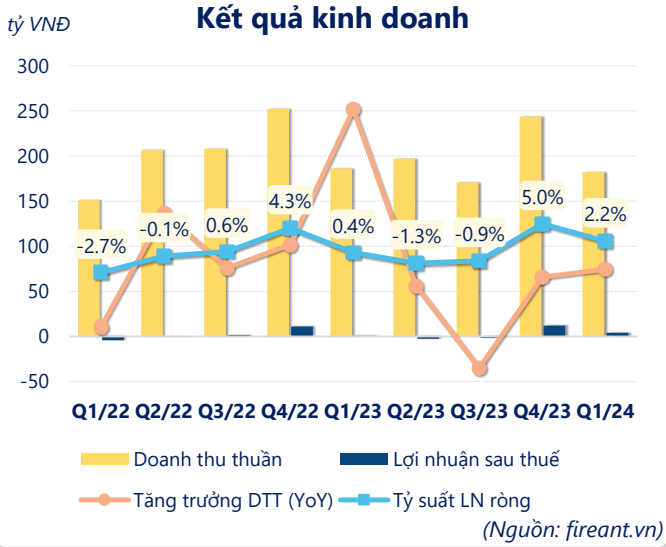
Ngày 31/03/2024	4,200 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-2.3%	-8.7%	2.4%

ROE 2023: 3.5% | +/- YoY: ▼ 0.2%

	Q1/24	QoQ	YoY
DT thuần	182 tỷ VNĐ	▼ 61.0 ▼ 25.0%	▼ 4.00 ▼ 2.0%
LN gộp	13.3 tỷ VNĐ	▲ 10.9 ▲ 451%	▲ 2.90 ▲ 27.6%
LN thuần	5.11 tỷ VNĐ	▲ 6.50 ▲ 468%	▲ 4.08 ▲ 396%
LN sau thuế	4.05 tỷ VNĐ	▼ 8.05 ▼ 66.5%	▲ 3.23 ▲ 394%

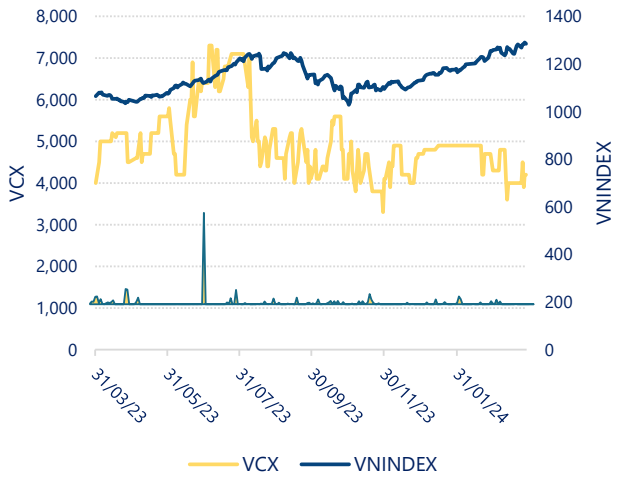
	2023	YoY
DT thuần	797 tỷ VNĐ	▼ 21.0 ▼ 2.6%
LN gộp	25.9 tỷ VNĐ	▼ 17.5 ▼ 40.3%
LN thuần	-4.68 tỷ VNĐ	▼ 15.1 ▼ 145%
LN sau thuế	7.47 tỷ VNĐ	▼ 0.10 ▼ 1.3%

Kết quả kinh doanh



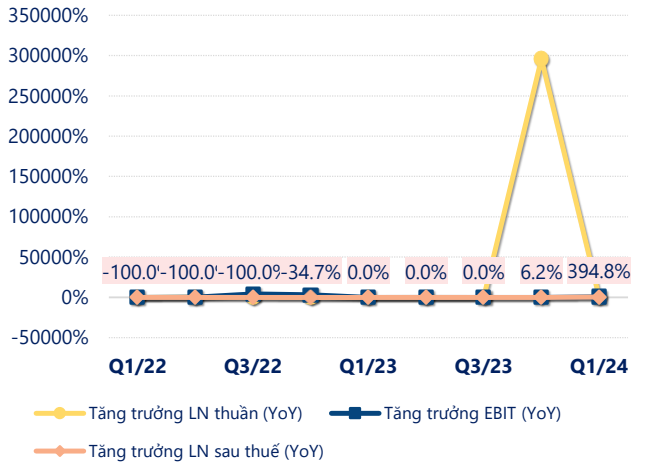
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



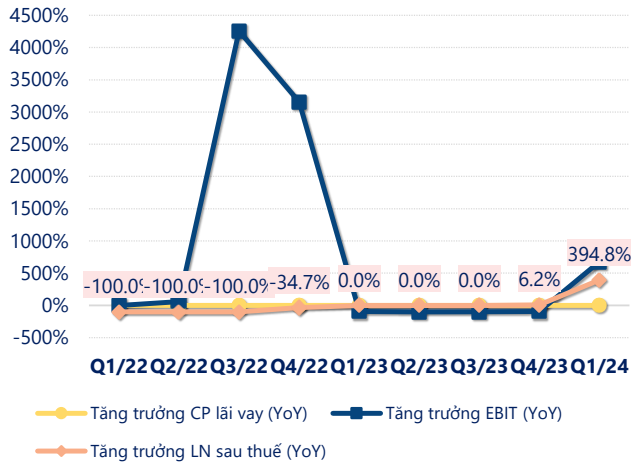
CTCP Xi măng Yên Bình (UPCOM: VCX)

Tăng trưởng lợi nhuận



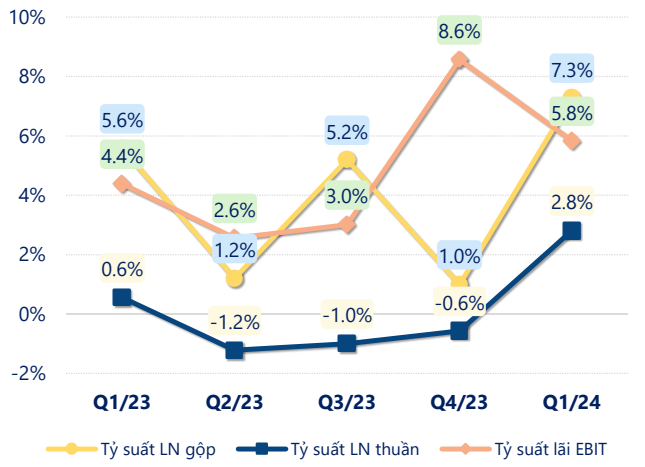
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



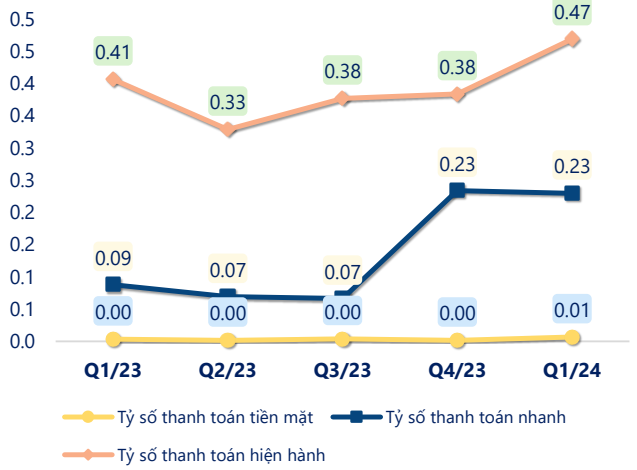
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



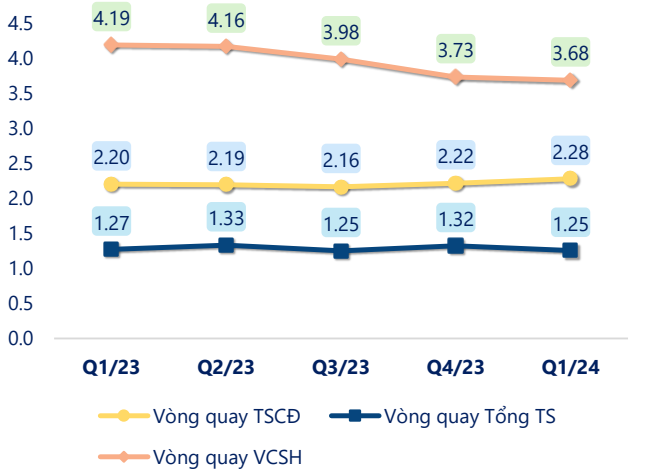
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



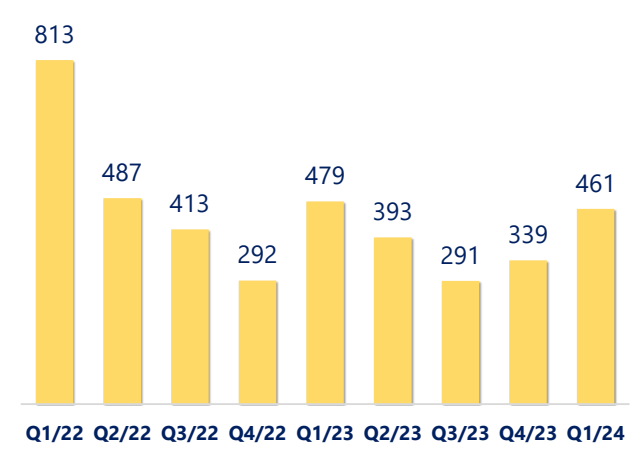
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

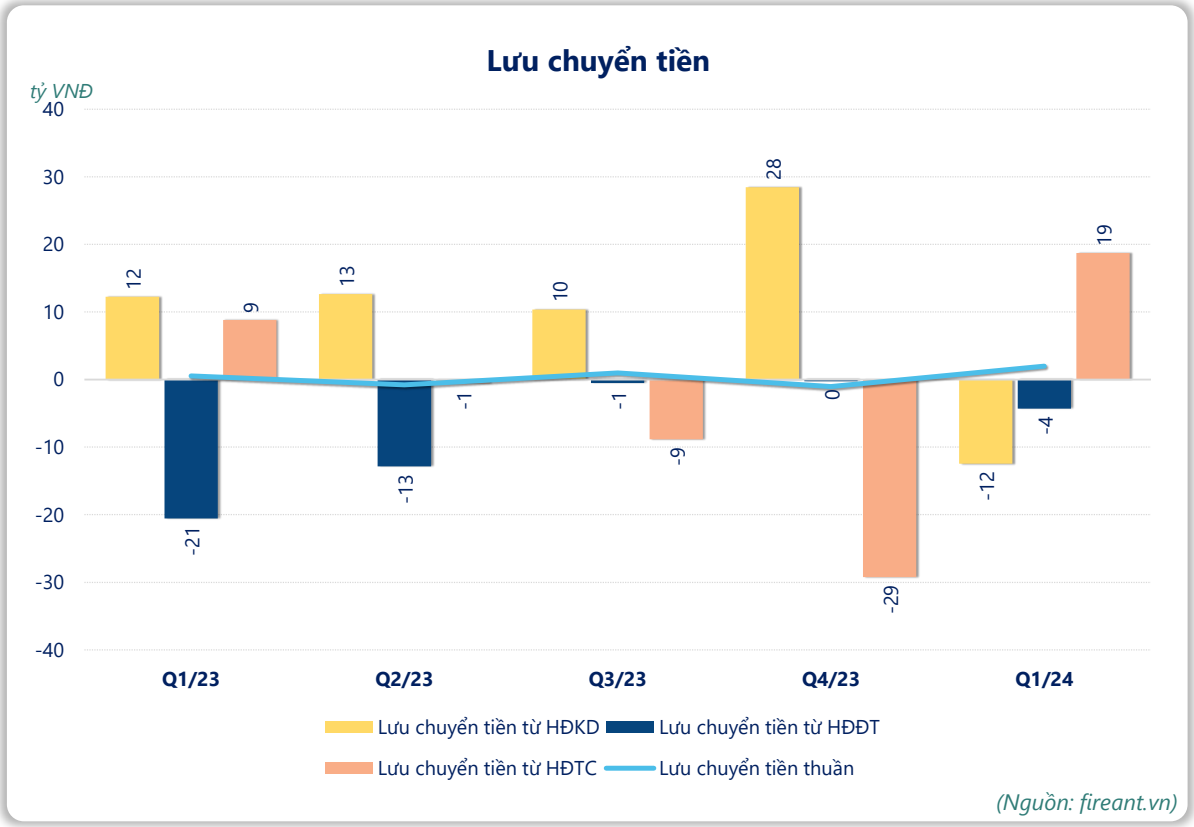


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Xi măng Yên Bình (UPCOM: VCX)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**182**	**186**	**-2.0%**	**797**	**818**	**-2.6%**
Giá vốn hàng bán	169	176	-4.0%	771	775	-0.4%
Lợi nhuận gộp	13.3	10.4	27.6%	25.9	43.4	-40.3%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.07	-91.2%	0.01	0.16	-93.1%
Chi phí TC	5.55	7.14	-22.3%	28.9	24.1	19.7%
Chi phí lãi vay	5.55	7.14	-22.3%	27.4	23.2	18.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.04	0.20	-81.5%	1.28	2.63	-51.4%
Chi phí QLDN	**2.58**	**2.08**	**24.0%**	**0.48**	**6.38**	**-92.4%**
LN thuần từ HĐKD	5.11	1.03	396%	-4.68	10.4	-145%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**0.00**		**15.5**	**-0.62**	**2597%**
LN trước thuế	5.08	1.03	393%	10.8	9.82	10.4%
Lợi nhuận sau thuế	**4.05**	**0.82**	**394%**	**7.47**	**7.57**	**-1.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.05**	**0.82**	**394%**	**7.47**	**7.57**	**-1.3%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)